

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ- ST

Ngày 22- 5- 2018

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ- TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Duy Diên

2. Ông Nguyễn Thế Phụng

- Thư ký Phiên tòa: Bà Đào thị Mai Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 74/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc “ Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1980 “có mặt”

Nguyên quán: thôn Đông Xuất, xã Đ, huyện Yên Phong , tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ: Khu Nhân Cầu 2, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Lương Văn Đ, sinh năm 1974 “có mặt”

Nguyên quán: thôn S 2, xã K, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Khu Nhân Cầu 2, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị Phitrình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Lương Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 04- 11- 1996 và hiện nay chị không còn lưu giữ được giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn. Khi đó Chị Nguyễn Thị P mới 16 tuổi 05 tháng 14 ngày. (Do chị P và anh Đ yêu nhau cho nên hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và bản thân chị P mới lớn). Sau khi kết hôn chị P và anh Đ sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, cách nuôi dạy con khác nhau dẫn đến vợ chồng có xô xát, anh Đ có hành vi đánh chị, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn khởi kiện ly hôn.

Về nuôi con chung: chị P và anh Đ có 03 con chung là Lương Hương Giang, sinh ngày 28-3-1998 và Lương Ngọc Đức, sinh ngày 09- 3- 2003 và Lương Ngọc Minh, sinh ngày 25-3-2013. Hiện nay con chung Lương Hương Giang đã trên 18 tuổi trong tuổi lao động, tự lập về kinh tế nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị P mong muốn nuôi cả 02 con chung (Đức, Minh) và không yêu cầu anh Đ góp cấp dưỡng nuôi con chung vì thu nhập hàng tháng của chị khoảng 20.000.000đồng / tháng. Chị P làm nghề buôn bán đồ đồng, gỗ mỹ nghệ tại thị trấn Hưng Hà nên chị đảm bảo nuôi được cả 02 con (Đức, Minh).

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh Đ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Lương Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị P trình bày là đúng. Anh Đ không nhớ ngày tháng đăng ký kết hôn nhưng vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 1996. Khi đăng ký kết hôn anh Đ mới 22 tuổi. Việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và hiện nay anh cũng không giữ được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Chị P khởi kiện ly hôn quan điểm của anh không muốn ly hôn, tại Pên tòa chị P kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị P.

Về nuôi con chung: Anh Đ nhất trí vợ chồng có 03 con chung là Lương Hương Giang, sinh ngày 28-3-1998 và Lương Ngọc Đức, sinh ngày 09- 3- 2003 và Lương Ngọc Minh, sinh ngày 25-3-2013 như lời trình bày của chị P là đúng. Nếu vợ chồng ly hôn anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi con Lương Ngọc Đức và chị P nuôi con Lương Ngọc Minh. Hai bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Thu nhập hàng tháng của anh Đ từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng do anh làm nghề buôn bán đồ gỗ nội thất tại xã K. Con chung Lương Hương Giang

đã trưởng thành đã trên 18 tuổi trong tuổi lao động, tự lập về kinh tế nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về chia tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia Phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị P và anh Lương Văn Đ.

Về con chung: Chị P và anh Đ có 03 con chung là Lương Hương Giang, sinh ngày 28-3-1998 và Lương Ngọc Đức, sinh ngày 09- 3- 2003 và Lương Ngọc Minh sinh ngày 25-3-2013. Hiện con chung Lương Hương Giang đã trên 18 tuổi nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Cần giao cho anh Đ trực tiếp nuôi con chung Lương Minh Đức, chị P trực tiếp nuôi con chung Lương Minh Ngọc. Chị P, anh Đ không phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại Phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lương Văn Đ căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án: Chị P và anh Đ không cung cấp được chứng nhận đăng ký kết hôn. Kết quả ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tại Biên bản xác minh Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh trình bày: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1980 có đăng ký kết hôn với anh Lương Văn Đ, sinh năm 1974 tại Ủy ban nhân dân xã Đ nhưng không biết ngày tháng năm nào, sổ gốc ghi đăng ký kết hôn bị thất lạc, không còn lưu.

[4] Tòa án đã tiến hành xác minh tại: Ủy ban nhân dân xã K, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xác nhận: Chị Nguyễn Thị P sinh ngày 28 - 6- 1980 và anh Lương Văn Đ sinh ngày 04-9-1974 không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Giấy khai sinh con gái Lương Hương Giang và con trai Lương Ngọc Đức chị P khai sinh năm 1978 là một người và có hộ khẩu thường trú tại: Thôn S 2, xã K, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[5] *Về hôn nhân*: Điều kiện và quá trình kết hôn như chị P, anh Đ không xuất trình được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và trình bày đăng ký kết hôn vào ngày 04- 11 – 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xác nhận chị Nguyễn Thị P và anh Lương Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ nhưng không có chứng cứ, tài liệu chứng minh việc đăng ký kết hôn của chị P và anh Đ. Tại Biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã K xác nhận chị P và anh Đ không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh Đ Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] *Về nuôi con chung*: Chị P và anh Đ có 03 con chung là Lương Hương Giang, sinh ngày 28-3-1998 và Lương Ngọc Đức, sinh ngày 09- 3- 2003 và Lương Ngọc Minh sinh ngày 25-3-2010. Hiện con chung Lương Hương Giang đã trên 18 tuổi nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Do chị P và anh Đ đều có quyền, nghĩa vụ nuôi con mong muốn nuôi con và có thu nhập đảm bảo để nuôi con chung như nhau. Cần giao cho anh Đ trực tiếp nuôi con chung Lương Ngọc Đức, chị P trực tiếp nuôi con chung Lương Ngọc Minh, chị P và anh Đ không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị P và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[7] *Về chia tài sản, nợ chung*: Chị P và anh Đ tự thỏa thuận phân chia, nên Tòa án không giải quyết.

[8] *Về án phí*: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, điểm đ Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị P và anh Lương Văn Đ

2. *Về nuôi con chung*: : Chị P và anh Đ có 03 con chung là Lương Hương Giang, sinh ngày 28-3-1998 và Lương Ngọc Đức, sinh ngày 09- 3- 2003 và Lương Ngọc Minh sinh ngày 25-3-2010. Hiện con chung Lương Hương Giang đã trên 18 tuổi nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Giao cho anh Đ trực tiếp nuôi con chung Lương Ngọc Đức, chị P trực tiếp nuôi con chung Lương Ngọc Minh, chị P và anh Đ không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị P và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Chị P và anh Đ tự thỏa thuận phân chia nên Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo Biên lai số 0005106 ngày 23-3-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Chị P, anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22 tháng 5 năm 2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã K, huyện Hưng Hà;
- UBND xã Đ, huyện Yên Phong;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Huy Hoàng

